

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
THÁI BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH NĂM 2014

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

+ **Việc thành lập:** Công ty Xi măng Thái Bình là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán kinh tế độc lập theo quyết định số 163/TC ngày 15/12/1979 của UBND Tỉnh Thái Bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty gồm: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm Xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng khác.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2014 là: 150 người

Trong đó cán bộ quản lý là: 30 người

Trụ sở chính của Công ty tại số 01, Đường Quách Đình Bảo, Phường Tiền phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

+ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

- Theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty Xi măng Thái Bình được cổ phần hoá và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần trong đó vốn cổ đông 100%.

- Ngày 22/10/2001 UBND Tỉnh Thái Bình có quyết định số 1343/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty Xi măng thành Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với tổng vốn điều lệ là 7.500.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) và 284 cổ đông.

- Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo luật định.

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 15.102.800.000 đồng với 1.510.280 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

- Công ty đã có 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 số 1000283494 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình cấp ngày 01/4/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: 15.102.800.000 VND.

+ Niêm yết:

Thực hiện các quy định hiện hành đối với Công ty đại chúng của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Sau khi xin ý kiến của các cổ đông (Đại hội cổ đông thường niên năm 2007) Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình đã tiến hành làm thủ tục xin đăng ký niêm yết. Ngày 18/11/2008 cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với mã cổ phiếu là TBX chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

2. Quá trình phát triển:

- Khi thành lập Công ty chỉ sản xuất một loại Xi măng Poóc-lăng thường (Xi măng đen) theo thiết kế ban đầu với hai lò đứng công suất nung luyện Clinker Xi măng Poóc-lăng thường là 5.000 tấn/lò/năm x 2 lò = 10.000 tấn Clinker/năm, thiết bị do trong nước chế tạo, công nghệ lạc

hậu, Clinker ra lò từng mẻ một do đó chất lượng Xi măng không ổn định, năng suất thấp, lao động nặng nhọc, độc hại, công suất năm cao nhất đạt sản lượng 5.000 tấn Xi măng/năm.

- Năm 1982 khi nguồn khí mỏ thiên nhiên tại Tiền Hải - Thái Bình được khai thác, Công ty đã nhanh chóng chớp thời cơ đầu tư mở rộng sản xuất thành lập phân xưởng nung luyện Clinker trắng tại Long Hải - Đông Lâm - Tiền Hải với 2 lò đứng công suất 500 tấn Xi măng trắng/năm, sản xuất loại Xi măng có giá trị kinh tế kỹ thuật cao phục vụ nhu cầu công tác trang trí nội thất các công trình xây dựng.

- Kết quả chất lượng Xi măng trắng ổn định và không ngừng được nâng cao đạt Tiêu chuẩn Việt Nam 5691-2000, được khách hàng trong cả nước tin nhiệm, đủ sức cạnh tranh với Xi măng trắng ngoại nhập cả về giá cả, chất lượng, mặt khác với việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật khoa học công nghệ vào sản xuất đã cơ giới hoá khâu nung luyện Clinker, cải tạo điều kiện làm việc độc hại cho người lao động, tạo dựng phong cách làm việc công nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.

- Nếu thời kỳ đầu từ năm 1979 đến năm 1992 công nghệ sản xuất Xi măng là bán khô, thiết bị là lò đứng lạc hậu thì từ năm 1992 đến 2002 công nghệ sản xuất Xi măng Poóclăng trắng là công nghệ bán khô với thiết bị lò quay liên hợp. Đặc biệt phân xưởng tại phường Tiền Phong thị xã từ năm 2003 đến nay công nghệ sản xuất là công nghệ khô.

- Về chất lượng sản phẩm. Nhờ có đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Đạt độ trắng $\geq 70\%$ so với độ trắng tuyệt đối, $\geq 80\%$ so với $BaSO_4$. Cường độ đạt TCVN 5691-2000. Từ năm 1985 đến nay sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng của Công ty đã được ban tổ chức hội chợ tặng thưởng các huy chương.

- Năm 1985 Ban tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam tại Giảng võ tặng "Huy chương bạc".

- Năm 1993 được Bộ Xây dựng tặng bằng khen về chất lượng sản phẩm Xi măng trắng.

- Tháng 12/1993 Công ty được tặng thưởng đồng giải nhất (Công ty Bách khoa Hà nội) hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc về giải pháp kỹ thuật nung luyện Clinker trắng.

- Tháng 9/1994 sản phẩm Xi măng trắng được thưởng "Huy chương vàng" tại hội chợ triển lãm thành tựu kinh tế kỹ thuật hàng công nghiệp Việt nam.

- Năm 2002 sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình được tặng thưởng "Huy chương vàng" tại hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam chất lượng cao tại Giảng võ Hà nội.

- Năm 2003 sản phẩm Xi măng trắng được tặng thưởng quà cầu bạc tại hội chợ triển lãm hàng công nghiệp Việt nam chất lượng cao tại Giảng võ Hà nội.

- Nhờ uy tín chất lượng nên sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình được tiêu thụ trên thị trường cả nước, ngoài việc khách hàng về Công ty để mua hàng công ty còn mở các đại lý tiêu thụ bán hàng tại các thị trường Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng. Thị phần Xi măng trắng Thái Bình chiếm khoảng 30% thị phần Xi măng trắng nội địa, góp phần làm ổn định thị trường, cung cấp cho người tiêu dùng và ngành xây dựng Việt Nam sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng ổn định.

- Nhằm mở rộng thị trường và khẳng định vị trí sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng trong ngành sản xuất vật liệu ở Việt nam trong những năm tới. Công ty vẫn tiếp tục đầu tư phát triển, tiếp tục ứng dụng tiến bộ KHKT vào khâu nung luyện Clinker Xi măng Poóclăng trắng, thay thế công nghệ bán khô bằng công nghệ khô để lợi giảm suất tiêu hao nhiên liệu /đơn vị sản phẩm, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao.

Một số chỉ tiêu cơ bản về kết quả SXKD qua các năm:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tổng doanh thu (đồng)	82.400.545.161	73.106.252.930	66.117.057.156
Lợi nhuận trước thuế (đ)	2.829.355.797	117.404.941	212.100.099
Thu nhập b/ç người/tháng (đ)	4.400.000	4.400.000	4.500.000
Cổ tức (%)	12		

3. Định hướng phát triển

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Nâng cao sản lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tăng trưởng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận.

Nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Hoàn thành các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Giữ vững và ổn định thị trường hiện có, mở rộng thị trường tại địa bàn vùng xa.

+ Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sản phẩm sang một số nước trong khu vực.

+ Phát triển nguồn nhân lực.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Để đạt được mục tiêu Công ty đã xác định chiến lược phát triển toàn diện trên các mặt về năng lực tài chính, năng lực nguồn nhân lực, năng lực về máy móc thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, năng lực về trình độ quản lý, xây dựng các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, phân loại xác định thị trường trọng điểm, xây dựng uy tín và thương hiệu doanh nghiệp tăng cường hiệu quả công tác bán hàng.

Thường xuyên tiến hành phân tích các yếu tố bên ngoài tác động ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty như nhân tố về môi trường, kinh tế xã hội, khoa học công nghệ, chính trị, pháp lý, thị trường, tài chính tiền tệ, tình hình hội nhập kinh tế thế giới.

Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình lấy uy tín và chất lượng sản phẩm là trung tâm cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, coi khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008.

- Sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao.

- Cung ứng cho khách hàng sản phẩm đúng chất lượng, đúng số lượng, đúng chủng loại, đúng nơi, đúng lúc mà khách hàng yêu cầu.

- Có trách nhiệm đáp ứng mọi yêu cầu chính đáng của khách hàng đối với Công ty.

- Tôn trọng và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng cũng như với nhà cung cấp.

- Nguyên vật liệu và phụ kiện chính đều phải được mua từ các nhà cung cấp có uy tín đã và sẽ được chứng nhận ISO 9001: 2008.

- Sự cam kết đối với chất lượng còn được thể hiện bởi kế hoạch đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và tay nghề của công nhân viên chức.

- Công ty duy trì hệ thống quản lý chất lượng một cách có hiệu quả trên cơ sở có sự tham gia của tất cả mọi người và trên nền tảng áp dụng ISO 9001: 2008.

- Thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hiệu lực của việc áp dụng hệ thống này để không ngừng thoả mãn nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1/ Những thuận lợi và khó khăn

a/ Thuận lợi:

- Năm 2014 Công ty vẫn khai thác hiệu quả năng lực các thiết bị đã đầu tư. Đây là điều kiện tiên quyết giúp Công ty vượt qua một năm đầy sóng gió trong quá trình SXKD năm 2014.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2008 luôn được duy trì và áp dụng hiệu quả. Đây cũng là cơ sở để sản xuất của Công ty luôn ổn định, sản phẩm Xi măng trắng sản xuất ra luôn phù hợp tiêu chuẩn TCVN: 5691-2000, đã tạo niềm tin vững chắc cho người tiêu dùng, đem lại lợi ích cao cho người thụ hưởng sản phẩm. Điều này giúp Công ty thành công trên con đường hội nhập, mở rộng thị phần, chinh phục được hoài bão, ước mơ, chấp cánh thương hiệu Xi măng trắng Thái Bình vươn xa và bay cao hơn nữa.

- HĐQT và Ban Giám đốc Công ty luôn chủ động đưa ra những chủ trương, giải pháp, quyết sách, quyết định kịp thời, đúng đắn để Công ty ổn định và phát triển trước sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu và cơn bão giá về tài chính và sự biến đổi leo thang không ngừng của lãi suất Ngân hàng.

b/ Khó khăn:

- Năm 2014 vẫn với một kịch bản của nền kinh tế khó ai dự báo và cam đoan được tính chính xác của nó, sự trượt dốc của thị trường tài chính, sự đóng băng của thị trường bất động sản, sự biến động chóng mặt của giá cả nguyên nhiên vật liệu đặc biệt là yếu tố đầu vào của sản xuất Xi măng trắng.

- Nguồn nguyên liệu vẫn ở tình trạng bất ổn, chất lượng không ổn định, nhà cung cấp luôn luôn ép giá tăng cao.

- Chính sách tiền lương luôn luôn diễn biến theo chiều hướng gia tăng làm cho chi phí giá thành tăng theo, trong khi đó giá xi măng không thể tăng theo.

- Cơ sở hạ tầng của chúng ta đã xuống cấp và lạc hậu, các thiết bị đã khai thác cạn kiệt khả năng về công suất, chi phí năng lượng lớn, xử lý môi trường phức tạp cần đưa ra những quyết sách đúng đắn cho việc định hướng phát triển lâu dài.

- Lực lượng lao động có kinh nghiệm thì ngày một thuyên giảm do tuổi cao, sức khoẻ giảm sút, đó cũng là quy luật vì lực lượng này cũng đã đến lúc cần được nghỉ ngơi theo chế độ, lực lượng lao động trẻ có trình độ thì bổ sung không đáng kể, đồng nghĩa với trải nghiệm còn ít, nếu không điều chỉnh cân đối kịp thời và bồi dưỡng kèm cặp thường xuyên để bổ sung lực lượng nòng cốt sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

2. Đánh giá chung về việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014

Năm vừa qua Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế, thiên tai, sự đóng băng của thị trường bất động sản, diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những thay đổi vĩ mô về chính sách tiền tệ, tiền lương, sự biến động phức tạp về giá cả nguyên nhiên vật liệu. Trong bối cảnh đó cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực phấn đấu vượt qua thách thức để đạt được những mục tiêu mà đại hội nhiệm kỳ đã đề ra. Nổi bật là:

- Về cơ bản vẫn duy trì được sản xuất kinh doanh, có việc làm cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

- Trong quá trình SXKD Công ty đã không ngừng áp dụng các giải pháp cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác đầu tư mở rộng sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí giá thành, điều hành sản xuất theo cơ chế thị trường.

3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban, phân xưởng.

a/ Phân xưởng Thành phố

Trong năm 2014 đã bám sát kế hoạch tiêu thụ sản phẩm Xi măng trắng nên tổ chức sản xuất tương đối hợp lý.

Đáp ứng cơ bản được yêu cầu tiêu thụ sản phẩm theo cơ chế thị trường. Chủ động trong điều hành góp phần ổn định sản xuất, CBCNV phân xưởng đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng năng suất, giảm chi phí điện năng, đặc biệt là tiêu hao nhiên liệu trong quá trình nung luyện Clinker giảm đáng kể, góp phần hiệu quả vào việc giảm giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn sơ suất để xảy ra mất an toàn, gây tai nạn không đáng có, cần phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ, đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua tiết kiệm, chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật và các quy trình quy phạm một cách nghiêm túc, phát huy tính năng động sáng tạo và trí tuệ của tập thể CBCNV lành nghề, để việc cải tiến hợp lý hoá sản xuất có chi phí là thấp nhất và đạt kết quả cao nhất.

b/ Phân xưởng Tiền Hải:

Năm 2014 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về nguyên, nhiên liệu, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào không ổn định, kho tàng hạn chế, bán thành phẩm tồn nhiều, phải dừng hoạt động lò để điều chỉnh SXKD theo quy luật cung cầu của cơ chế thị trường.

c/ Phòng kế toán tài chính

- Hạch toán kế toán theo đúng luật định tạo điều kiện cho HĐQT, Ban Giám đốc Công ty kịp thời đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và điều chỉnh quá trình hoạt động cho phù hợp với tiến trình phát triển của doanh nghiệp, góp phần làm cho năm tài chính của Công ty đạt mục tiêu đề ra.

- Theo dõi chặt chẽ các hợp đồng kinh tế, tham mưu giúp Giám đốc quản lý chặt chẽ giá cả đầu vào và định giá đầu ra của sản phẩm để nền tài chính của Công ty luôn an toàn và hạch toán có lãi.

d/ Phòng Khoa học công nghệ

- Công tác chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty, năm 2014 là năm thứ mười một Công ty áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, nay là ISO 9001:2008. Là một bộ phận trong hệ thống, phòng KHCN đã duy trì và thực hiện đầy đủ các quy trình đã đề ra và thực hiện nề nếp để sản phẩm sản xuất ra là sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn TCVN: 5691 - 2000, đây là một cố gắng rất lớn.

- Phòng KHCN luôn đi sâu đi sát sản xuất, phát hiện kịp thời các vấn đề bất cập phát sinh và sai sót trong quy trình công nghệ, tư vấn cho Giám đốc những vấn đề mới, tích cực trong quy trình tạo sản phẩm để sản phẩm của Công ty luôn ổn định về chất lượng .

- Phòng KHCN cần chủ động đề xuất và nghiên cứu sản phẩm mới, tham mưu cho HĐQT kế hoạch đa dạng hoá sản phẩm, phối kết hợp với phòng thị trường giới thiệu, đưa sản phẩm mới tham gia cùng sản phẩm truyền thống.

e/ Phòng Kế hoạch cung ứng vật tư

- Luôn bám sát nhiệm vụ SXKD cung ứng đầy đủ, kịp thời nguyên, nhiên vật liệu cần thiết phục vụ sản xuất theo đúng quy trình mua hàng đã được quy định trong hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001: 2008.

- Phối kết hợp chặt chẽ với phòng Tài chính kế toán tham mưu giúp Giám đốc ký kết, thực hiện các HĐKT, lập dự toán, quyết toán đầy đủ các hạng mục công trình sửa chữa và XDCB nội bộ theo đúng quy định của nhà nước, đáp ứng kịp thời quá trình SXKD của Công ty, góp phần làm cho sản xuất ổn định, lập và triển khai các dự án đầu tư đúng quy trình theo tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông đã được HĐQT phê duyệt để sản xuất không ngừng mở rộng và phát triển.

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn rất nhiều vấn đề cần khắc phục như cung ứng vật tư, chất lượng cung ứng, thời gian cung ứng, lựa chọn đối tác, vận chuyển và bảo quản hàng hoá nội bộ và kế hoạch luôn phải chủ động, đi trước một bước, có như vậy sản xuất mới ổn định và phát triển.

g/ Phòng HCTC-LDTL

- Chủ động lập phương án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đủ sức đảm đương nhiệm vụ SXKD trong cơ chế thị trường, đồng thời bám sát sản xuất để phát hiện những yếu tố bất hợp lý trong vấn đề lao động tiền lương, bố trí sắp xếp nhân lực từng bộ phận, giám sát việc thực hiện các quy trình công nghệ, sàng lọc những trường hợp yếu kém về trình độ, thiếu trách nhiệm để giáo dục rèn luyện, tạo hưng phấn cho CBCNV phấn đấu.

- Theo dõi và thực hiện đầy đủ mọi chế độ chính sách cho người lao động.

- Thanh toán tiền lương - thưởng kịp thời theo quy định.

- Hoàn thiện việc xây dựng đơn giá định mức tiền lương, góp phần bình ổn mặt bằng thu nhập của người lao động, phù hợp với từng vị trí, công việc, công đoạn trong quá trình SXKD.

4/ Kế hoạch SXKD năm 2015:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	80
2	Sản phẩm		
	- Xi măng trắng sản xuất	Tấn	29.000
	- Xi măng trắng tiêu thụ	Tấn	29.000
3	Nung luyện Clinker	Tấn	26.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0.8

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc gồm:

- Ông Nguyễn Minh Thành Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/4/2014)
- Ông Phạm Đức Long Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/4/2014)
- Ông Phạm Đức Long Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/2/2014)
- Ông Bùi Văn Dục Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/2/2014)
- Ông Nguyễn Văn Điệp Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/1/2014)
- Ông Nguyễn Văn Điệp Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/4/2014)
- Ông Phạm Văn Tân Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/01/2014)
- Ông Nguyễn Như Phát Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/01/2014)

Để điều hành tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã họp phân công rõ

trách nhiệm theo dõi và điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về mọi hoạt động của Công ty.
- Quyết định chiến lược kinh doanh, quy mô và phạm vi thị trường, kế hoạch đầu tư và phát triển, chính sách và mục tiêu chất lượng của Công ty.

1. Báo cáo tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014
I	Tổng tài sản	62.097.028.443	59,833,317,525
1	Tài sản lưu động	33.079.417.247	33,333,092,307
2	Tài sản cố định	29.017.611.196	26,500,225,218
II	Nợ phải trả	42.294.585.836	39,998,381,477
1	Nợ ngắn hạn	38.776.381.123	35,654,778,401
2	Nợ dài hạn	3.518.204.713	4,343,603,076
III	Nguồn vốn chủ sở hữu	19.802.442.607	19,834,936,048
1	Vốn điều lệ	15.102.800.000	15,102,800,000
2	Lợi nhuận sau thuế	88.053.706	120,547,147
3	Quỹ đầu tư phát triển	2,212,356,793	2,212,356,793
4	Quỹ dự phòng tài chính	1,273,561,445	1,273,561,445
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.125.670.663	1,125,670,663
IV	Một số chỉ tiêu tài chính		
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (%)	0,12	0,18
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	0,14	0,20
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%)	0,44	0,61
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	0,58	0,80

Tổng số cổ phần: 1.510.280 CP

- Cổ phiếu thường: 1.510.280 CP
- Cổ phiếu đang lưu hành: 1.510.280 CP

2. Những tiến bộ công ty đã đạt được :

- Sắp xếp, hoàn thiện bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.
- Hoàn thiện định mức tiền lương cho phù hợp trong từng bộ phận sản xuất.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công ty định hướng xây dựng chiến lược phát triển trong tương lai từ nay đến năm 2020.

Xác định đây là một chiến lược phát triển toàn diện, đồng bộ trên tất cả các nguồn lực của Công ty. Để phát huy tối đa các nguồn lực Công ty đưa ra một số giải pháp sau:

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Không ngừng cải tiến công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại và dây chuyền sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng chiến lược phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, củng cố địa bàn đã có, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực.

- Cơ cấu lại nguồn vốn phục vụ cho sản xuất và đầu tư, sử dụng các nguồn tiền đạt hiệu quả cao nhất.

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động qua các chương trình tuyển dụng mới và đào tạo tại chỗ.

- Xây dựng các chính sách tiền lương, tiền thưởng, điều kiện môi trường lao động cho người lao động.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán.

1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33,333,092,307	33,079,417,247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	91,211,940	336,098,843
1. Tiền	111		91,211,940	336,098,843
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19,091,878,204	18,743,079,572
1. Phải thu khách hàng	131		16,230,508,050	18,864,208,426
2. Trả trước cho người bán	132		60,000,000	25,469,400
5. Các khoản phải thu khác	135		8,298,911	8,914,436
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-206,928,757	-155,512,690
IV. Hàng tồn kho	140	4	16,316,089,304	12,564,933,528
1. Hàng tồn kho	141		16,316,089,304	12,564,933,528
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		833,912,859	1,435,305,304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			142,759,324
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26,500,225,218	29,017,611,196
II. Tài sản cố định	220		26,382,052,218	28,881,855,451
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	24,929,055,370	28,877,500,451
- Nguyên giá	222		62,574,589,414	62,169,437,680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-37,645,534,044	-33,291,937,229
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	335,000	4,355,000
- Nguyên giá	228		33,500,000	33,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-33,165,000	-29,145,000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1,452,661,640	
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	118,173,208	135,755,745
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		118,173,208	135,755,745
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		59,833,317,525	62,097,028,443
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		39,998,381,477	42,294,585,836
I. Nợ ngắn hạn	310		35,654,778,401	42,294,585,836
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	20,893,342,075	19,119,145,196
2. Phải trả người bán	312		9,709,364,176	10,677,235,806

3. Người mua trả tiền trước	313			2,542,330
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	11	1,217,362,888	718,491,888
5. Phải trả người lao động	315		1,214,863,748	2,483,382,867
6. Chi phí phải trả	316	12	176,477,092	241,187,539
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1,207,735,756	4,002,832,831
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,235,632,666	1,531,562,666
II. Nợ dài hạn	330		4,343,603,076	3,518,204,713
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	4,332,514,663	3,518,204,713
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		11,088,413	
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19,834,936,048	19,802,442,607
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	19,834,936,048	19,802,442,607
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15,102,800,000	15,102,800,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,125,670,663	1,125,670,663
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,212,356,793	2,212,356,793
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,273,561,445	1,273,561,445
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		120,547,147	88,053,706
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		59,833,317,525	62,097,028,443

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Năm 2014

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		66,117,057,156	73,106,252,930
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	66,117,057,156	73,106,252,930
4	Giá vốn hàng bán	11	17	58,327,352,525	66,273,891,879
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,789,704,631	6,832,361,051
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1,801,875	8,868,989
7	Chi phí tài chính	22	19	2,219,521,325	2,007,774,620
8	Chi phí bán hàng	24	20	525,067,351	325,198,735
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	5,234,568,431	5,337,379,111
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-187,650,601	-829,122,426
11	Thu nhập khác	31	22	605,730,106	1,002,380,862
12	Chi phí khác	32	23	205,979,406	55,853,495
13	Lợi nhuận khác	40		399,750,700	946,527,367
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		212,100,099	117,404,941
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		91,552,952	29,351,235
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		120,547,147	88,053,706
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	80	58

V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán:

Hiện tại Công ty đang thuê đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2014. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là một trong những công ty kiểm toán có uy tín tại Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kiểm toán nội bộ

Hiện tại Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình chưa thành lập kiểm toán nội bộ, đang xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

VII. TỎ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Giới thiệu về Công ty:

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình
Tên giao dịch quốc tế	Thai binh Cement Joint Stock Company
Tên viết tắt	TJC
Trụ sở chính	Số 1, đường Quách Đình Bảo, cụm Công nghiệp Phong Phú, phường Tiên Phong, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Điện thoại	(036) 3647 505
Fax	(036) 3647 506
Email	ximangthaibinh@gmail.com
Website	Ximangthaibinh.vn
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận ĐKKD số 1000283494 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái bình cấp lần 8 ngày 01 tháng 4 năm 2014.

Biểu tượng Công ty



Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm Xi măng và vật liệu xây dựng
- Xuất nhập khẩu Clinker Xi măng poóc lăng trắng.

2. Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo Hội đồng quản trị, Báo cáo ban kiểm soát, phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

3. Hội đồng quản trị: Là cơ quan pháp lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình gồm 5 thành viên, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, trong việc ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

5. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị Công ty tuyển chọn, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

- Quyết định chiến lược kinh doanh, quy mô và phạm vi thị trường, kế hoạch đầu tư và phát triển, chính sách và mục tiêu chất lượng của Công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, sắp xếp và bố trí nhân sự.
- Chỉ đạo điều hành hoạt động tài chính của Công ty.
- Phê duyệt nội dung các quy trình, quá trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 được áp dụng tại Công ty.
- Tổ chức thực hiện bộ máy quản lý chất lượng trong Công ty. Thực hiện các cam kết về chất lượng đối với khách hàng.
- Chủ trì các cuộc họp xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.
- Lựa chọn các nhà cung cấp và các nhà thầu để mua vật tư và thiết bị.

6. Các phòng ban chức năng:

- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Hành chính tổ chức – LĐTL
- Phòng Kế hoạch
- Phòng Khoa học công nghệ

Các phòng ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ về quản lý công tác nhân sự, lao động tiền lương, định mức tiêu hao vật tư cho sản xuất, nguồn cung cấp vật tư, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, an toàn lao động... và các nhiệm vụ khác phục vụ cho quá trình sản xuất và đầu tư.

7. Các phân xưởng:

- Phân xưởng Xi măng Thành phố.
- Phân xưởng Xi măng Tiên Hải

C. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Tiền lương, tiền thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc theo quy chế của Công ty.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thông tin cổ đông:

Vốn điều lệ: 15.102.800.000 đồng tương đương 1.510.280 cổ phần.

*** Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2014**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Đình Thu Trang	11, Ngõ 138, Tân ấp, Phúc xá, Ba Đình, Hà Nội	80.676	5,342
2	Nguyễn Hữu Biền	Đường Lê Chân – KCN Châu Sơn – Phú Lý – Hà Nam	140.000	9,27

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc:**

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Thị Nguyễn Hạnh	0	0
2	Tổng Hải Đường	0	0
3	Nguyễn Quang Thái	0	0
4	Vũ Đại	0	0
5	Phạm Đức Long	0	0

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của thành viên Ban Tổng Giám Đốc:**

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Minh Thành	66.175	4,38

2. Quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình bao gồm:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

3. Đánh giá tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Năm 2014 trong bối cảnh nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình đã phát huy tốt vai trò quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị đã bám sát mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung làm chủ cùng nhau gánh vác các trọng trách lớn của Công ty. Đã tổ chức thực hiện hoàn thành mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra trên các lĩnh vực, mang lại hiệu quả và lợi ích cho Công ty và cổ đông.

4. Hoạt động ban kiểm soát Công ty

- Tham gia các cuộc họp hội đồng quản trị.
- Kiểm soát các chứng từ thu chi của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ sổ sách kế toán theo quy định của bộ tài chính và chuẩn mực kế toán.
- Theo dõi ý kiến cổ đông thông qua các kênh thông tin.
- Xem xét báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, bộ máy quản lý trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

a. Công tác tổ chức cán bộ và tổ chức sản xuất:

- Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ đúng người đúng việc trên cơ sở vị công việc mà bố trí người phụ trách, lựa chọn những cán bộ có tâm, có tài vì sự phát triển bền vững của Công ty, dù sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ kế cận cho doanh nghiệp đảm bảo cho doanh nghiệp có đội ngũ cán bộ đủ sức, đủ tài, đủ tầm hoàn thành tốt nhiệm vụ thời kỳ hội nhập.

- Sắp xếp lao động phù hợp, cân đối giữa các phân xưởng để sản xuất ổn định, trường hợp nếu thiếu lao động trong dây chuyền sẽ cân nhắc việc đầu tư máy móc cơ giới hoá những khâu có thể trong dây chuyền.

- Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001: 2008.

b. Giải pháp thị trường:

Ổn định, đổi mới và phát triển thị trường là vấn đề then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vì vậy công tác thị trường phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện, tăng cường khâu tiếp thị để mở rộng thị phần, phát triển thị trường, nâng cao trình độ và nghiệp vụ bán hàng, bán hàng qua nhiều kênh, thiết lập chi nhánh, các tổng kho phân phối cho các đại lý và các hộ tiêu thụ một cách hợp lý để giảm thiểu chi phí vận tải, tổ chức tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Phối kết hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần thương mại xi măng Thái Bình phát triển thị trường bán lẻ trên diện rộng.

Từng bước tiếp cận thị trường khu vực và thị trường Thế giới, hoàn thiện kỹ năng xuất nhập khẩu, giới thiệu sản phẩm và hình ảnh Công ty tới bề bạn năm châu.

Tim kiếm, khai thác sản phẩm mới trên cơ sở khai thác công năng các thiết bị công nghệ sẵn có của Công ty.

c. Giải pháp về kế hoạch vật tư

- Tăng cường công tác kế hoạch, tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc hoạch định đúng đường lối phát triển doanh nghiệp và ra quyết định kịp thời, chính xác trong quá trình hội nhập phát triển.

- Tăng cường công tác đầu tư với phương châm lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, từng bước hiện đại hoá phù hợp với điều kiện tài chính doanh nghiệp trong lộ trình phát triển, đảm bảo phát triển bền vững.

- Đáp ứng đầy đủ nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất theo các yêu cầu chất lượng do công nghệ đặt ra.

- Tim kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định lâu dài, giá thành hạ.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để sản xuất liên tục, không bị gián đoạn.

d. Giải pháp về chất lượng:

Đây là khâu trọng yếu để nâng cao vị thế của sản phẩm và hình ảnh trên thương trường, vì vậy công tác chất lượng phải được kiểm soát chặt chẽ từ vật tư đầu vào đến sản phẩm đầu ra, chất lượng là cả một quá trình, mọi quy trình phải được chấp hành nghiêm túc, phải thực hiện phòng ngừa là chính - khắc phục sửa chữa sự cố là nhất thời và hạn chế tối đa các sai phạm, sự cố xảy ra làm mất uy tín sản phẩm.

e. Giải pháp về công nghệ:

Tăng cường hợp tác với các nhà khoa học chuyên ngành, các cơ quan khoa học kỹ thuật để lựa chọn những công nghệ tiên tiến trong quá trình SXKD, chủ động tiếp thu những thành tựu khoa học đã được triển khai trong và ngoài nước, áp dụng một cách hiệu quả.

Phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng, cùng ban Giám đốc - HĐQT thường xuyên áp dụng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm giải pháp công nghệ hợp lý, để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Tích cực chủ động trong nghiên cứu, triển khai sản phẩm mới góp phần đa dạng hoá sản phẩm.

g. Giải pháp về tài chính:

Để có được mục tiêu của năm 2015 đặt ra, đây là một kỳ vọng rất lớn, đột phá táo bạo cho những năm tiếp theo, hoàn toàn có cơ sở, vì vậy phải chuẩn bị đủ tiền vốn, nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình SXKD, cho đầu tư XD CB đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực, sử dụng đồng vốn hiệu quả, quay vòng vốn nhanh, dự trữ đúng mức, phân loại khách hàng để cung cấp hàng hoá, phải hết sức khoa học và nghệ thuật trong tiêu thụ sản phẩm, không để khách hàng lợi dụng chiếm dụng vốn, nợ đọng dây dưa khó đòi.

- Quản lý chặt chẽ việc mua bán vật tư nguyên nhiên vật liệu, hợp đồng phải được soạn thảo theo đúng quy trình ISO 9001: 2008, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa vật tư hàng hoá không có VAT.

- Báo cáo hạch toán kế toán định kỳ để phân tích kết quả SXKD, kịp thời phát hiện những phát sinh tiêu cực, bất cập tác động xấu trong quá trình SXKD từ đó phản ứng kịp thời, điều chỉnh hợp lý giúp cho nền tài chính Công ty luôn lành mạnh, an toàn và phát triển.

h. Chăm lo lợi ích người lao động và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Bổ trí đầy đủ việc làm cho số lao động hiện có của Công ty, đảm bảo thu nhập ổn định, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm để người lao động yên tâm lao động sản xuất, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động, phát hiện bệnh nghề nghiệp xử lý kịp thời và có hướng sắp xếp lao động cho hợp lý.

i. Công tác Đảng - Đoàn thể và phong trào thi đua

- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng là hạt nhân đề ra những đường lối chiến lược phát triển của doanh nghiệp, vận động quần chúng, công nhân lao động hoàn thành nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

- Chăm lo công tác Công đoàn, đoàn thanh niên, tạo điều kiện thuận lợi để hai tổ chức này hoạt động có hiệu quả, từ đó đẩy lên các phong trào thi đua thiết thực, phát hiện các nhân tố tích cực, biểu dương tạo khí thế thi đua sôi nổi, động viên CBCNV kịp thời để mọi người đóng góp tích cực hơn nữa vào sự nghiệp chung của Công ty.

6. Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát:

Năm 2014 đã trả thủ lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát:

- Thủ lao 5 thành viên HĐQT và 01 thư ký Công ty = 133.862.400 đ

- Thủ lao 3 thành viên BKS = 32.419.800 đ

Tổng cộng: 166.282.200 đ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHẠM ĐỨC LONG